

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thùy Lê và ông Phạm Ngọc Tân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Khiêm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1975; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Kim Y** – sinh năm 1971; Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Do có quen biết với nhau, vào ngày 02/5/2022, chị có cho chị Lê Thị Kim Y 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi thỏa thuận miệng 02%/tháng. Thời hạn trả ngày 02/6/2022. Ngày 10/11/2023, chị Y có mượn chị số tiền 61.800.000đ (Sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng), lãi thỏa thuận miệng 02%/tháng thời hạn trả ngày 10/12/2023. Tổng cộng hai lần mượn tiền là 161.800.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng). Chị đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị Y không trả nợ. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Kim Y phải trả cho chị số tiền đã mượn 161.800.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và lãi suất kể từ ngày Tòa thụ lý vụ án 11/01/2024.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, cụ thể tại biên bản hòa giải ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, bị đơn chị Lê Thị Kim Y trình bày: Bản thân chị có mượn nợ chị H 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Đã được Tòa án giải quyết trước 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Còn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Trong tổng số tiền 161.800.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) chị H

khởi kiện chị trong vụ án này, thì chị chỉ nợ của chị H 100.000.000đ còn lại là 61.800.000đ là tiền lãi mà chị H tính cho chị, đề nghị Tòa án xem xét.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Kim Y trả tiền vay tài sản theo các giấy mượn tiền lập ngày 02/5/2022 và 10/11/2023. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Giữa chị H và chị Y có hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng 02 Giấy mượn tiền lập ngày 02/5/2022 và 10/11/2023 có chữ ký của bên mượn tiền Lê Thị Kim Y. Chị H đã nhiều lần đòi nợ chị Y. Chị Y có mượn tiền chị H nhưng không trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi của chị H. Vì vậy chị H khởi kiện là có căn cứ.

- Chị Y trình bày số tiền 61.800.000đ là tiền lãi chị H tính cho chị, chị trả tiền lãi cho chị H thông qua chuyển khoản và trả tiền mặt nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của chị Y.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Lê Thị Kim Y nhưng chị Y vắng mặt nên không có cơ sở xem xét.

- Chị H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Pháp luật từ ngày Tòa án thụ lý 11/01/2024, đây là yêu cầu hợp pháp, được chấp nhận, cụ thể mức lãi suất được tính như sau: từ ngày 11/01/2024 đến ngày 26/7/2024: 06 tháng 15 ngày: $161.800.000đ \times (10\%/12 \text{ tháng}) \times 06 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 161.800.000đ \times 0,83\% \times 6 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 8.729.110đ$ (Tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười đồng).

- Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Lê Thị Kim Y phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H số tiền 170.529.110đ (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười đồng), trong đó: tiền gốc 161.800.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và lãi suất 8.729.110đ (Tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Lê Thị Kim Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 170.529.110đ x 5% = 8.526.455đ (Tám triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn chị Lê Thị Kim Y. Buộc chị Y có nghĩa vụ trả nợ cho chị H số tiền **170.529.110đ (Một trăm bảy mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười đồng)**, trong đó: tiền gốc 161.800.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) và lãi suất 8.729.110đ (Tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn một trăm mười đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả chậm quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Chị Lê Thị Kim Y phải chịu **8.526.455đ (Tám triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H 4.045.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0010625 ngày 11/01/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện A.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh PY;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương